

# ĐÔNG NAM Á: HIỆN TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ

PHẠM ĐỨC THÀNH\*

## I. HIỆN TÌNH KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

### 1. Các nước Đông Nam Á đạt tốc độ tăng trưởng ngày càng cao

Kể từ khi cuộc khủng hoảng tài chính khu vực xảy ra, kinh tế các nước Đông Nam Á trở nên bất ổn định với tốc độ tăng trưởng thất thường. Sau khi phục hồi và đạt mức tăng trưởng cao ở các nước vào năm 2000 thì bước sang năm 2001, do sự suy giảm kinh tế của Mỹ và Nhật Bản, hầu hết các nền kinh tế ASEAN 5 (không kể Brunây) tốc độ tăng trưởng đều giảm sút: Ấn Độ 3,4%, Malaixia 0,5%, Thái Lan 2,0%, Xingapo (-2%), Philippin 4,5%. Trong hai năm 2002 và 2003, tăng trưởng GDP của các nước này đều ở mức thấp.

Từ năm 2003, tình hình trong nước và thị trường quốc tế thuận lợi hơn đã làm cho mức tăng trưởng kinh tế của các nước có nhiều khả quan hơn, tạo đà cho năm 2004 đạt mức tăng trưởng khá cao. Mặt khác, khối lượng FDI hồi phục và tăng liên tiếp trong hai năm liền, thị trường xuất khẩu của các nước được cải

thiện, nên tăng trưởng GDP của các nước đều ở mức khá cao. Tăng trưởng của Malaixia trong 6 tháng đầu năm 2004 đạt khoảng 7,8% do sự hồi phục nhu cầu trong nước của khu vực tư nhân (tiêu dùng của tư nhân tăng 9,9%) và tăng nhu cầu toàn cầu về hàng công nghệ cao. Tuy nhiên, mức tăng trưởng 6 tháng cuối năm có phần chậm lại do suy giảm kinh tế của Mỹ, và điều kiện tín dụng toàn cầu thắt chặt làm giảm sự thúc đẩy đối với các nền kinh tế mở cửa cao như Malaixia. Do vậy tăng trưởng cả năm của nước này đạt 7,0%. Thái Lan đạt mức tăng trưởng 6,4% trong năm 2004 do hai nhân tố quan trọng là tăng xuất khẩu và tăng tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên, do giá cả dầu lửa tăng cùng với bạo lực ở miền nam đã ảnh hưởng phần nào đến mức tăng trưởng của nước này. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế của Xingapo đạt mức rất cao, 8,2% trong năm 2004 do một loạt các nhân tố như sự hồi phục và tăng trưởng của đầu tư tư nhân cả trong nước và nước ngoài, các chính sách thúc đẩy và cơ cấu lại công nghiệp có hiệu quả. Mặt

\* PGS.TS. Phạm Đức Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

khác, Xingapo cũng thực hiện sự đa dạng hoá các ngành công nghiệp xuất khẩu, giảm các mặt hàng xuất khẩu nhạy cảm cao đối với thị trường quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh ở một số mặt hàng mà Trung Quốc có lợi thế. Chính vì vậy xuất khẩu của nước này tăng nhanh trong hai năm 2003 và 2004. Tăng trưởng của Philippin đạt 5,4% năm 2004 do mức tiêu dùng tăng và sự hồi phục của dòng thương mại xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ với mức tăng hai con số (khoảng 14,9%).

Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN 4 vẫn được duy trì ở mức cao vừa phải. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 7,2%, của Campuchia là 5,4% và Lào là 5,8%. Sở dĩ tăng trưởng kinh tế của các nước ASEAN 4 được duy trì ổn định ở mức vừa phải sau khủng hoảng là do đây là những nền kinh tế đang chuyển đổi, quá trình tăng trưởng chủ yếu được khai thác và phát triển theo hướng chiều rộng. Cho nên, mặc dù FDI không tăng (trừ Việt Nam tăng lên chút ít) nhưng bù lại các nước này có thể mở rộng thị trường xuất

khẩu và thúc đẩy đầu tư tư nhân trong nước.

## 2. Đầu tư trực tiếp (FDI) bị suy giảm

Nếu như năm 1997, đầu tư vào các nước ASEAN 5 đạt mức cao nhất là 29.676 triệu USD thì năm 2002 chỉ là 11.136 triệu USD, nghĩa là giảm hơn 60%. Năm 2003, khối lượng FDI vào ASEAN 5 được hồi phục với mức 15.496 triệu USD và chỉ riêng quý 1/2004 đã đạt đến 7.285 triệu USD. Khảo sát từng nước ASEAN 5 thì thấy Indônêxia là nước bị giảm FDI lớn nhất do khủng hoảng kinh tế, cùng với sự bất ổn định chính trị, từ mức 4.678 triệu USD năm 1997 xuống (-4.550) triệu USD năm 2000 (mức rút vốn đầu tư lớn nhất trong lịch sử nước này) và tiếp tục giảm trong những năm tiếp theo. FDI vào nước này chỉ được hồi phục trong quý 1-2004 với mức 432 triệu đô la Mỹ. Tương tự, FDI vào các nước Xingapo, Malaixia, Thái Lan, Philippin đều giảm, trong đó Philippin giảm ở mức thấp hơn so với trước khủng hoảng.

### Dòng FDI vào các nước ASEAN từ 2000 đến quý 1 năm 2004

(Triệu USD)

Tên nước	2000	2001	2002	2003	Q1/2004
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Brunây	549	526	1035	3123	34
Campuchia	149	149	145	87	78
Indônêxia	-4550	-3279	145	-596	432
Lào	34	24	25	19	5
Malaixia	3788	554	3203	2473	927
Myanma	208	192	191	128	
Philippin	1345	982	1111	319	-15

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Xingapo	17218	15038	5730	11431	5775
Thái Lan	3350	3886	947	1869	166
Việt Nam	1289	1300	1200	1450	
ASEAN	23379	19373	13733	20304	7432

*Nguồn : ASEAN Secretariat, ASEAN FDI database*

### 3. Xuất khẩu của nhiều nước Đông Nam Á đang được phục hồi

Sự bất ổn định của tình hình kinh tế, chính trị quốc tế đã có ảnh hưởng lớn đến các nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu như Xingapo, Malaixia và Thái Lan. Trên thực tế, xuất khẩu của các nước này trong những năm 2001-2002 đều suy giảm.

Từ năm 2003, tình hình trong nước và thị trường quốc tế thuận lợi hơn đã làm cho mức tăng trưởng kinh tế của các nước có nhiều khả quan hơn, tạo đà cho năm 2004 đạt mức tăng trưởng khá cao. Mặt khác, khối lượng FDI hồi phục và tăng liên tiếp trong hai năm liền, thị trường xuất khẩu của các nước được cải thiện.

#### Xuất khẩu của các nước ASEAN 5, 2000-2003 (triệu đô la Mỹ)

	2000	2001	2002	2003	Quý 1/04
Indônêxia	65.406	57.364	59.165	63.450	15.959
Malaixia	98.429	87.981	94.343	105.000	28.393
Philippin	37.295	31.243	25.539	34.985	8.930
Xingapo	139.747	124.505	137.429	157.851	44.016
Thái Lan	67.889	63.070	66.092	78.416	21.961

*Nguồn: ASEAN Finance and Macroeconomic Surveillance Unit (FMSU) database.*

Từng nước thành viên ASEAN 5 vẫn tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đa dạng hoá xuất khẩu, mở rộng thị trường. Các nước ASEAN 4 cũng có các chính sách phát triển tương tự, nhưng cách thức thực hiện của các nước có những nét khác nhau. Các nước ASEAN 5 chú trọng khai thác các thị trường mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ. Xu hướng này đã hình thành và phát triển trong những năm gần đây khi mà sự phụ thuộc vào thị trường các nước phát triển

nhất là Mỹ và Nhật Bản đã làm cho các nước này phải trả giá bởi tình hình kinh tế các nước phát triển đó suy giảm. Bên cạnh đó, các nước này cũng tiến hành các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm đối phó với sự lấn át của Trung Quốc trên thị trường các nước phát triển. Mặt khác các nước đó cũng muốn gia tăng tìm kiếm đối tác để mở rộng việc ký kết các FTA song phương nhằm tìm kiếm thị trường và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong khi

đó, các nước ASEAN 4 cũng tìm cách mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm kiếm và tránh thủ những thoả thuận ưu đãi thương mại từ các nước phát triển và hướng tới mục tiêu gia nhập WTO.

## II. CÁC NƯỚC ĐNA ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

### 1. Điều chỉnh cơ cấu kinh tế

Xingapo đưa ra kế hoạch xây dựng lại nước "Xingapo mới", thực hiện trong vòng 20 năm "ưu việt hoá ngành chế tạo và dịch vụ", trọng tâm là phát triển các ngành kỹ thuật cao và dịch vụ tinh xảo làm động lực cho tăng trưởng như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học; chuyển các ngành công nghệ sử dụng nhiều lao động ra nước ngoài. Xingapo muốn chuyển Quốc đảo từ nền kinh tế "làm tăng giá trị" sang nền kinh tế "tạo giá trị mới".

Malaixia cũng điều chỉnh theo hướng phát triển công nghệ kỹ thuật cao, các ngành tạo ra giá trị gia tăng lớn, nâng cao cạnh tranh bằng (i) Thúc đẩy đầu tư của khu vực tư nhân; (ii) Nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia; (iii) Phát triển các nguồn lực mới, tăng cường các nguồn lực nội địa để bù đắp cho sự thâm hụt của đầu tư nước ngoài; (iiii) Nâng cao hiệu quả của hệ thống phân phối, đặc biệt là tăng năng suất lao động và giảm chi phí nhằm biến nước này thành một trong những trung tâm gia công hàng đầu của khu vực. Các hoạt động gia công đã trở thành một trong những lĩnh vực lớn nhất tại hành lang siêu truyền thông đa phương tiện (MSC). Lĩnh vực này sẽ đóng vai trò then chốt

trong giai đoạn phát triển thứ hai của Malaysia (2004-2010) và hy vọng MSC trở thành thung lũng Silicom của châu Á.

Các nước khác như Thái Lan, Indônêxia và Philippin ít nhiều đều có điều chỉnh cơ cấu theo hướng thích ứng với những thay đổi của môi trường cạnh tranh khốc liệt toàn cầu.

### 2. Cải cách thể chế kinh tế

Về cơ bản "Mô hình chính phủ chủ đạo" ít có thay đổi ở hầu hết các nước ASEAN, trừ Xingapo. Tuy nhiên các nước ASEAN lại có những thay đổi cơ bản theo hướng tự do hoá hơn nữa nhằm thích ứng với những thay đổi của quá trình toàn cầu hoá.

Trong lĩnh vực tài chính tiền tệ, hầu hết các nước ASEAN đều thực hiện chương trình cải cách thị trường vốn, thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó, chính phủ các nước chú trọng đến việc lành mạnh hoá hệ thống tài chính, cải thiện khả năng giám sát việc thực hiện các qui chế. Chính phủ Xingapo đã thực hiện việc tự do hoá và mở cửa hơn nữa đối với khu vực ngân hàng, các công ty tài chính để nâng cao khả năng cạnh tranh. Chính phủ Malaixia đã công bố kế hoạch tổng thể phát triển thị trường vốn trong 10 năm tới, mục tiêu là để phát triển thị trường vốn nước này thành kênh đầu tư mà các công ty và xí nghiệp lựa chọn đầu tiên. Ngân hàng trung ương Malaixia cũng đưa ra kế hoạch sáp nhập các ngân hàng, công ty tài chính thành 10 tập đoàn ngân hàng lớn. Ở Thái Lan, Indônêxia, Philippin, bên cạnh các biện pháp sắp xếp và tổ chức lại ngân hàng, chính phủ các nước đó đã đưa ra các qui định chặt chẽ về

khu vực cho vay, quản lý nợ, khoanh nợ. Việc củng cố hệ thống ngân hàng được thực hiện thông qua biện pháp nâng cao tính minh bạch, công khai và giám sát thường xuyên. Các nước ASEAN cũng duy trì kiểm soát và quản lý sự ra vào của các luồng vốn đặc biệt là các luồng vốn ngắn hạn. Trong bối cảnh đồng đô la Mỹ yếu, hầu hết các nước trong khu vực đều duy trì chính sách tỉ giá có lợi cho xuất khẩu, bảo vệ thị trường nội địa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

### 3. Điều chỉnh chiến lược phát triển

Hầu hết các nước ASEAN đều có những điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế cho phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của tình hình kinh tế thế giới tùy theo điều kiện kinh tế của từng nước. Trong chiến lược phát triển khoa học kỹ thuật, các nước đều chú trọng tăng tỉ lệ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ trong những năm gần đây. Tuy nhiên, các nước ASEAN còn hạn chế lớn về tiềm lực khoa học công nghệ, về nghiên cứu cơ bản cho nên vẫn còn một khoảng cách rất xa giữa họ và các nước phát triển.

Trong phát triển kinh tế, tất cả các nước ASEAN vẫn tiếp tục duy trì chiến lược mở cửa, thúc đẩy xuất khẩu bằng các biện pháp khác nhau. Bên cạnh đó, một số nước thực hiện các chủ trương kích thích nhu cầu nội địa tùy theo điều kiện của mỗi nước nhằm khắc phục tình trạng suy thoái kinh tế của Mỹ và Nhật.

Nhiều nước ASEAN mà tiêu biểu là Xingapo, Malaixia mở rộng không gian mậu dịch tự do bằng các hiệp định thương mại song phương với Mỹ, Nhật, đồng thời chuyển hướng tăng cường

xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Trung Đông.

Trong khi đó, Thái Lan chủ trương tấn công vào chủ nghĩa bảo hộ ngay trong thương mại nội khối bằng cách ký kết các FTA song phương. Đầu năm 2003, Thái Lan đã ký kết FTA với Ba Ranh, một nước cửa ngõ tiến vào khối các nước hợp tác vùng vịnh. Hiện tại, Thái Lan đang đàm phán và hi vọng sẽ sớm ký FTA với Ấn Độ, Ôxtrâyliya, Nhật bản và Mỹ. Thái Lan và Xingapo còn ký kết hiệp định liên kết để xây dựng mô hình "một nền kinh tế trong hai quốc gia". Đối với hợp tác khu vực, chính phủ Thái Lan đã đưa ra sáng kiến gọi là "Thái Lan cộng" mà thực chất là liên kết và huy động các nền kinh tế khu vực vào quá trình hợp tác với mục đích đưa Thái Lan trở thành trung tâm kinh doanh của khu vực. Thái Lan sẽ đóng vai trò trong việc cung cấp dịch vụ cơ sở hạ tầng, kết nối các nước trong khu vực thông qua xây dựng các tuyến đường giao thông và các dự án hành lang khác nhau. Thủ tướng Thái Lan Thaksin còn đưa ra sáng kiến như "chiến lược hợp tác kinh tế" với Lào, Campuchia và Mianma với mục tiêu thu hẹp khoảng cách và chia sẻ sự thịnh vượng trong khu vực. Thái Lan còn ký với Việt Nam về "hợp tác liên chính phủ"... Tất cả những sáng kiến đó của Thái Lan nhằm biến đất nước họ thành trung tâm hợp tác với các nước trong khu vực và là nơi hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ coi Thái Lan như một thị trường đầy tiềm năng để từ đó tiến vào Đông Nam Á một cách dễ dàng, thuận lợi hơn.

Các nước Indônêxia, Philippin tiếp tục duy trì chiến lược tổng hợp, vừa thúc

đẩy xuất khẩu vừa kích thích tiêu dùng nội địa.

Như vậy, xu hướng chiến lược phát triển mới của các nền kinh tế ASEAN được thể hiện nổi bật ở các chính sách phát triển tổng hợp, khai thác các tiềm năng tăng trưởng mới, kích thích nội nhu và kết hợp với chiến lược thúc đẩy xuất khẩu đa dạng. Việc ký kết các FTA cùng với việc đẩy mạnh các chương trình hợp tác ASEAN+3 sẽ góp phần khai thông thị trường, tăng kim ngạch thương mại của các nước. Điều chỉnh cơ cấu và tạo ra sự chuyển biến trong chính sách một cách tích cực và năng động nhằm thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường bên ngoài đang là xu hướng nổi trội trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát, những điều chỉnh và thay đổi chiến lược phát triển của các nước ASEAN trên các lĩnh vực nói trên còn tỏ ra chậm chạp và có sự khác nhau giữa các nước. Đó là do năng lực và trình độ phát triển hiện tại của các nền kinh tế trong khu vực quy định nên đặc điểm đó.

### III. VỀ SỰ LIÊN KẾT CỦA ASEAN

#### 1. Sự hợp tác ASEAN trên lĩnh vực an ninh - chính trị thu được những kết quả đáng ghi nhận nhưng trong liên kết kinh tế còn chậm chạp, trì trệ

Những thành tựu của ASEAN thu được trong hợp tác về kinh tế nhất là AFTA tuy về một phương diện nào đó có làm tăng thêm tính bổ sung kinh tế giữa các nước ASEAN, tạo thêm nền tảng giúp ASEAN tăng cường hợp tác kinh tế nhưng hiệu quả chưa cao, còn chậm chạp, trì trệ.

Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề là vì mục tiêu ban đầu của ASEAN là tập trung vào hợp tác chính trị - an ninh. Do vậy dù có tăng cường mục tiêu kinh tế từ sau chiến tranh lạnh kết thúc thì kết quả của sự hợp tác về kinh tế cũng không thể thành công như hợp tác về an ninh chính trị được.

Bên cạnh đó, lực cản lớn nhất của sự hợp tác kinh tế chính là lợi ích quốc gia - dân tộc và của các nhóm lợi ích trong mỗi quốc gia còn đặt quá cao trong lợi ích chung của khu vực. Tự do hoá tất yếu sẽ dẫn đến phân bổ lại lợi ích kinh tế giữa các nhóm lợi ích trong một quốc gia. Ở một số nước lợi ích từ sự bảo hộ đã cản trở nỗ lực tự do hoá chung của quốc gia đó. Chẳng hạn tập đoàn ô tô Proton của Malaixia đã tạo sức ép buộc chính phủ Malaixia phải lùi thời hạn tự do hoá ô tô đến 2005. Nhóm Hoá dầu đã gây sức ép buộc chính phủ Philippin phải lùi thời hạn mở cửa đối với các mặt hàng này. Việc lùi thời hạn chuyển các sản phẩm linh kiện ô tô và xe máy vào diện cắt giảm thuế quan theo CEPT ở Việt Nam cũng có nguyên nhân tương tự như vậy. Mặt khác cơ chế đảm bảo thực thi và giải quyết tranh chấp trong ASEAN quá yếu, nặng về chính trị, kém ràng buộc về pháp lý, các quy định không được tôn trọng, hành vi vi phạm không bị trừng phạt. Nếu những hạn chế trên không được khắc phục trong những năm sắp tới chắc chắn ASEAN không thể tiến lên được nữa.

Một nguyên nhân lớn nữa khiến sự hợp tác nội khối còn chậm chạp, trì trệ là do sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, trình độ công nghiệp hoá, năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập kinh tế khác nhau giữa các nước

thành viên. Sự chênh lệch trong phát triển đã gây ra nhiều tác động “tiêu cực” cho sự hợp tác, liên kết khu vực. Đó là (1) khó tạo ra những nhân tố thúc đẩy sự liên kết và hợp tác khu vực, khó có thể thực hiện những dự án, những kế hoạch chung về hợp tác kinh tế một cách thuận lợi mà biểu hiện rõ nét nhất là trong việc thực hiện CEPT. Các nước ASEAN 6 đã đưa ra trên 98% mặt hàng vào diện cắt giảm thuế quan nhưng đây lại là những mặt hàng mà các nước đó có lợi thế và không phải là những mặt hàng buôn bán nội bộ khu vực. Năm 2003 buôn bán trong nội bộ ASEAN đạt 84 tỷ USD chiếm 23% tổng buôn bán của khu vực đối với thế giới, nhưng cho đến nay mới chỉ có 5% khối lượng mậu dịch nội bộ ASEAN thực sự áp dụng CEPT. Vừa qua tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN 10 (11-2004) các nước ASEAN đã ký kết hiệp định khung về 11 lĩnh vực ưu tiên. 11 lĩnh vực ưu tiên đó sẽ chiếm đến 50% tổng buôn bán trong nội khối ASEAN. Về mặt giá trị 11 lĩnh vực đó đóng góp 48,4 tỷ USD xuất khẩu và 43,4 tỷ USD nhập khẩu trong nội khối ASEAN năm 2003. Theo hiệp định, các nước ASEAN 6 sẽ dỡ bỏ thuế quan 11 lĩnh vực ưu tiên đó vào năm 2007, 4 nước còn lại vào 2012. Tuy nhiên nói thì dễ nhưng thực hiện không phải là “xuôi chèo, mát mái”. Thách thức của sự hợp tác vẫn đang còn ở phía trước.

Sự chênh lệch về phát triển còn làm cho các nước gặp nhiều khó khăn trong việc phối hợp và hài hoà hoá các chính sách và luật pháp. Đó là việc hài hoà hoá tiêu chuẩn sản phẩm, các thủ tục hải quan, các hàng rào kỹ thuật tiến tới hài hoà hoá chính sách thể chế để tạo ra

khuôn khổ pháp lý cho phù hợp với khu vực nhằm quản lý có hiệu quả hơn.

## 2. Xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN còn nhiều thách thức

ASEAN muốn xây dựng cộng đồng kinh tế là muốn tiếp tục đi lên theo các nấc thang phát triển tất yếu như EU đã trải qua, nghĩa là phải xây dựng một cộng đồng kinh tế mạnh thông qua việc loại bỏ hàng rào, đặc biệt là hàng rào phi quan thuế, nhằm biến ASEAN trở thành một trung tâm sản xuất, thương mại và đầu tư trong bối cảnh xuất hiện nhiều các thỏa thuận thương mại tự do song phương và khu vực, thành một khu vực tự do dịch chuyển lao động có tay nghề cao để từng bước thực hiện tầm nhìn 2020 trong xu thế toàn cầu hoá khu vực hoá ngày càng gia tăng.

Như vậy khi AEC hoàn thành ASEAN sẽ gần giống như một thị trường chung (Thị trường chung trừ) xét về góc độ lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và các yếu tố sản xuất khác. Với những nội dung như vậy thì có thể thấy rằng chính AEC là lối thoát cho ASEAN trong sự lo ngại rằng sau AFTA sẽ đi về đâu? và đó chính là bước đột phá trong việc cụ thể hoá khía cạnh kinh tế của Tầm nhìn 2020.

Trong những năm qua ASEAN đã thông qua nhiều biện pháp nhằm đẩy nhanh và triệt để hơn việc thực hiện AFTA, AIA, AFAS là những chương trình đã có; đồng thời cũng có thêm những biện pháp mới về tự do hoá, thuận lợi hoá về hợp tác kinh tế, đáng kể nhất là việc thực hiện tự do hoá nhanh mang tính thí điểm đối với 11 lĩnh vực ưu tiên. Các văn bản pháp lý về việc thực hiện cụ thể đối với các lĩnh vực

ưu tiên đó đã được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 10 tại Viên Chăn (Lào) tháng 11 năm 2004.

Cộng đồng kinh tế ASEAN có thể tạo dựng thông qua sự hội nhập kinh tế dựa trên những tiêu chuẩn chung thông qua ba bước: (1) Bước 1: Nỗ lực dỡ bỏ hết các hàng rào thuế quan đối với hàng hoá giữa các nước ASEAN 6; (2) Bước 2: Xoá bỏ hàng rào thuế quan đối với dịch vụ và vốn đối với các nước ASEAN 4 có thể tham gia sau một khi họ đã sẵn sàng. (3) Bước 3, tự do lưu chuyển lao động giữa các nước thành viên. Việc kết hợp 3 bước sẽ đưa ASEAN sang giai đoạn Thị trường chung.

Cho đến nay những biện pháp sẽ được nhất trí thực hiện cơ bản không có gì mới ngoại trừ việc củng cố và tăng cường cơ chế thực thi và giải quyết tranh chấp trong ASEAN như (1) nhóm chuyên gia luật; (2) cơ chế tham vấn hỗ trợ giải quyết tranh chấp; (3) một cơ quan đảm bảo thực thi cam kết của ASEAN; (4) tăng cường cơ chế DSM với quyết tâm sử dụng và cụ thể hoá vai trò của các hội thẩm đoàn. Như vậy ASEAN cơ bản vẫn tiếp tục duy trì các thể chế "liên quốc gia" chưa sẵn sàng chấp nhận thiết lập cơ chế quyền lực "siêu quốc gia".

Như vậy ASEAN hiện đang hoạt động trên cơ sở hợp tác chứ không dựa trên cơ sở thể chế thích hợp. Cái thiếu nhất của ASEAN là không có một cơ chế (kiểu EU) để thực hiện các chương trình liên kết của mình. Không có một thể chế vững mạnh, ASEAN sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện các sáng kiến liên kết kinh tế khu vực, đặc biệt là tiến trình AEC.

Vấn đề chia sẻ chủ quyền cũng là một thách thức không nhỏ đối với tiến trình AEC. Để có thể xây dựng thành công Cộng đồng kinh tế ASEAN đòi hỏi các nước thành viên ASEAN phải hy sinh một phần nào đó chủ quyền quốc gia để theo đuổi những hành động tập thể hay hy sinh lợi ích quốc gia dân tộc trong một chương trình nghị sự chung. Đây là vấn đề không thể khắc phục ngay được

Sự hình thành các hiệp định thương mại song phương trong khu vực cũng trở thành một thách thức không nhỏ đối với tiến trình xây dựng AEC. Việc sản sinh ra một loạt các hiệp định thương mại song phương khác nhau về quy mô, thời gian giảm thuế, nguyên tắc xuất xứ .... sẽ gây ra tình trạng "Spaghetti bowl" (Bát mì ống), một sự rối loạn trong hành động của một tập thể. Các hiệp định này sẽ đi ngược lại logic của việc xây dựng một cộng đồng ASEAN. Điều này làm chi phí kinh doanh trong khu vực trở nên cao hơn và gây ra sự hoài nghi lẫn nhau giữa các thành viên. Hiệp định thương mại song phương không thể là yếu tố thúc đẩy AEC.

Trong khoảng thời gian 15 năm nữa sẽ có bao nhiêu điều bất trắc khó lường xảy ra. Đó là (1) sự biến động của tình hình quốc tế và khu vực, nhất là vai trò của Mỹ, Trung Quốc; sự lôi kéo cuốn hút của hai nước này đối với các nước thành viên vào các quan hệ song phương trong thể phân chia ảnh hưởng khu vực, lúc đó nếu có sự hiện diện AEC cũng chỉ là hình thức; (2) Những nội dung thực hiện, kế hoạch hành động, lộ trình thực hiện AEC không diễn ra theo ý muốn của những người đề xướng; (3) Giới lãnh đạo các nước, nhất là những thế hệ lãnh đạo kế tiếp không quyết tâm thực hiện



mô hình AC, thậm chí họ lại đề xuất và muốn thực hiện những ý tưởng mới khác; (4) ASEAN có thể sẽ bị "hoà tan" trong cộng đồng lớn hơn - Cộng đồng Đông Á, không còn là trục chính trong hợp tác Đông Á, phát triển từ 10+3 hiện nay.

### **3. Việc xây dựng cộng đồng Đông Á đang trở thành xu hướng nổi trội trong khu vực**

Ý tưởng về Cộng đồng Đông Á đang ngày càng được khẳng định trong tiến trình ASEAN + 3. Tại hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 (11-2004) Viên Chăn (Lào) đã thống nhất rằng xây dựng cộng đồng Đông Á là mục tiêu lâu dài và đó là quá trình chuyển đổi từ ASEAN + 3. Tuy nhiên trước mắt tiến trình xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Đông Á cũng không phải là thuận lợi bởi lẽ quan hệ giữa các nước Đông Bắc Á nhất là giữa Trung Quốc và Nhật Bản về chính trị, an ninh đang trong tình trạng căng thẳng. Chính vì thế người ta thường nhấn mạnh ASEAN sẽ là trung tâm (trục) của hợp tác Đông Á. Thực ra đây chỉ là giải pháp khôn ngoan của hai nước Trung Quốc và Nhật Bản trong điều kiện họ đang mâu thuẫn, cạnh tranh nhau để trở thành đầu tàu phát triển, giữ vai trò lãnh đạo của khu vực Đông Á. Về phần mình các nước ASEAN lo sợ sẽ bị "hoà tan" trong hợp tác Đông Á nên cũng rất muốn nắm vai trò trung

tâm của hợp tác Đông Á. ASEAN có thể giữ được vai trò đó hay không phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó ASEAN phải trở thành một cộng đồng phát triển thực sự và phải có vai trò lãnh đạo như Đức, Pháp trong EU hoặc Mỹ trong NAFTA.

---

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Contemporary Southeast Asia. A journal of International and Strategic Affairs. Singapore: ISEAS, Vol. 23-27 (2003-2005).
2. Southeast Asian Affairs 2003, 2004. Singapore: ISEAS, 2003, 2004 and 2005.
3. Amitav Acharya. Seeking Security in Dragon's Shadow: China and Southeast Asia in the Emerging Asian Order. Singapore: IDSS, 2003.
4. Gaye Christofferson. "The Role of East Asia in Sino-US Relations". Asian Survey, Vol. 42, No. 3 (May/June 2002).
5. Southeast Asian Perspective on Security (Ed. By Derek da Cunha). Singapore: ISEAS, 2000.
6. Các tài liệu của Thông tấn xã Việt Nam, của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội; Các tài liệu của các tọa đàm, Hội thảo khoa học về các vấn đề hiện đại của Đông Nam Á, Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và EU v.v...